

Bản án số: 13/2023/DS-ST.

Ngày: 08/6/2023.

V/v: “T/c hợp đồng tín dụng”;

“T/c hợp đồng thế chấp tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Huyền Trang.

2. Ông Phạm Y.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đồng Mây Hồng Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 13/2023/TLST-DS, ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và “Tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Minh V – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (Có mặt).

Địa chỉ: Số 26 Yersin, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

(Các văn bản ủy quyền số: 25, ngày 07/7/2020 và số: 1489, ngày 23/12/2022).

- Bị đơn:

1. Ông Lê Đình Nh, sinh năm: 1973 (Vắng mặt).

2. Bà Trần Thị S, sinh năm: 1973 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Khu phố 6, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Minh V trình bày:

Vợ chồng ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S đã ký hợp đồng vay tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần V (Sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) theo 03 hợp đồng tín dụng, cụ thể:

1. Hợp đồng cho vay số: LN 1711090309083/PTN/HĐTD, ngày 15/12/2017 (Gọi tắt là “hợp đồng 1”); Khoản vay này ông Nh bà S vay để mua xe ô tô, số tiền vay 266.000.000đ, lãi suất tại thời điểm cho vay 9,4%/năm; Thời hạn cho vay là 83 tháng kể từ ngày giải ngân là ngày 15/12/2017.

Để bảo đảm cho khoản vay thì ông Nh bà S thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN 1711090309083/PTN/HĐTCSP, ngày 15/12/2017; Tài sản thế chấp là xe ô tô con, nhãn hiệu: MAZDA, số loại: 2 15G, biển số: 85A-029.05, số khung: 4AA6HC074217, số máy: P520402268 đã được Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 002249, ngày 14/12/2017 đứng tên ông Lê Đình Nh.

2. Hợp đồng cho vay kênh VPBank Online số: LN1925600210, ngày 13/9/2019 (Gọi tắt là “hợp đồng 2”); Số tiền vay là 58.000.000đ; Thời hạn vay là 35 tháng; Lãi suất cho vay là 22%/năm.

3. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/4/2019 (Gọi tắt là “hợp đồng 3”) với khoản tín dụng được cấp là 17.000.000đ.

Ông Nh bà S trả nợ đến ngày 16/12/2020 thì ngưng không trả nợ nữa, đến ngày 21/4/2021 ngân hàng đã ra thông báo chuyển nợ của ông Nh bà S sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và đôn đốc ông Nh bà S thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không có kết quả vì vậy ngân hàng khởi kiện ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S. Quá trình giải quyết vụ án, ngân hàng yêu cầu ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S phải liên đới trả nợ cả 03 hợp đồng.

Tính đến ngày xét xử là ngày 08/6/2023 ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S còn nợ ngân hàng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 1 tổng dư nợ là: 308.026.113đ; Trong đó nợ gốc là: 202.405.000đ; Lãi trong hạn là: 10.070.773đ; Nợ lãi quá hạn là: 95.550.340đ.

2. Hợp đồng tín dụng số 2 tổng dư nợ là: 67.731.623đ; Trong đó nợ gốc là: 38.506.175đ; Nợ lãi trong hạn là: 28.850.512đ; Nợ lãi quá hạn là: 26.374.936đ.

3. Hợp đồng tín dụng số 3 tổng dư nợ là: 46.257.340đ; Trong đó nợ gốc là: 17.000.000đ; Nợ lãi trong hạn là 2.871.470đ; Nợ lãi quá hạn là 26.385.870đ.

Vậy tổng số nợ ông Nh bà S phải trả là: 422.015.076đ; Trong đó: Tổng nợ gốc là: 257.911.175đ; Tổng nợ lãi trong hạn và quá hạn là: 164.103.901đ.

Tại phiên tòa, ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện 02 vấn đề, cụ thể: Ngân hàng yêu cầu ông Nh bà S liên đới trả nợ tại hợp đồng số 1 và chỉ yêu cầu một mình ông Nh trả nợ tại hợp đồng số 2 và số 3 do tại hai hợp đồng này chỉ một mình ông

Nh ký đồng thời ngân hàng không cung cấp được đăng ký kết hôn của ông Nh bà S; Ngân hàng tự nguyện giảm cho ông Nh 22.015.076đ tại lãi quá hạn tại hợp đồng số 2, vì vậy nay ngân hàng cụ thể như sau:

1. Yêu cầu ông Lê Đình Nh bà Trần Thị S phải trả tổng số tiền tại Hợp đồng tín dụng số 1 tổng dư nợ là: 308.026.113đ (Trong đó nợ gốc là: 202.405.000đ; Lãi trong hạn là: 10.070.773đ; Nợ lãi quá hạn là: 95.550.340đ.

2. Yêu cầu ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S thanh toán khoản lãi phát sinh của nợ gốc kể từ ngày 09/6/2023 cho đến khi trả hết nợ tại hợp đồng tín dụng số 1 theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

3. Yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN 1711090309083/PTN/HĐTCSP, ngày 15/12/2017 để bảo đảm thi hành án cho hợp đồng tín dụng số 1; Trường hợp ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S không thanh toán hoặc thanh toán không đủ nợ tại hợp đồng số 01 thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho khoản nợ tại hợp đồng số 01.

4. Yêu cầu ông Lê Đình Nh phải trả tổng số tiền tại Hợp đồng tín dụng số 2 và hợp đồng tín dụng số 3 tổng dư nợ là: 91.973.887đ (Trong đó tổng nợ gốc là: 55.506.175đ; Tổng lãi trong hạn là: 31.721.982đ; Tổng lãi quá hạn là: 30.745.730đ.

5. Yêu cầu ông Lê Đình Nh thanh toán khoản lãi phát sinh của nợ gốc tại hợp đồng tín dụng số 2 và số 3 kể từ ngày 09/6/2023 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tương ứng đã ký kết.

Bị đơn ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S đã được Tòa án niêm yết công khai các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng không đến Tòa nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng; Yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để

bảo đảm thi hành án, trường hợp ông Nh bà S không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để bảo đảm cho việc thi hành án. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và “Tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S có cùng nơi cư trú tại khu phố 6, trị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã triệu tập bị đơn đến Tòa làm việc nhưng bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú vì vậy Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định cho bị đơn nhưng vẫn không đến tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa coi như bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện thu hồi nợ; Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngân hàng và ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S ký kết 01 hợp đồng tín dụng, ngân hàng và ông Lê Đình Nh ký kết 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Ký kết với ông Lê Đình Nh bà Trần Thị S tại hợp đồng cho vay số: LN 1711090309083/PTN/HĐTD, ngày 15/12/2017, hợp đồng này được bảo đảm tại hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN 1711090309083/PTN/HĐTCSP, ngày 15/12/2017 đối với tài sản là xe ô tô con, nhãn hiệu: MAZDA, số loại: 2 15G, biển số: 85A-029.05, số khung: 4AA6HC074217, số máy: P520402268 đã được Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 002249, ngày 14/12/2017 đứng tên ông Lê Đình Nh.

- Ký kết với ông Lê Đình Nh tại hợp đồng cho vay kênh VPBank Online số: LN1925600210 ngày 13/9/2019.

- Ký kết với ông Lê Đình Nh tại giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/4/2019.

Các hợp đồng này được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Theo thỏa thuận trong các hợp đồng, bên vay có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng tuy nhiên đến ngày 16/12/2020 thì bên vay không trả nợ nữa, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và đôn đốc nhưng ông Nh bà S vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ do đó, khẳng định ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông Nh và bà S phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ các hợp đồng đã ký kết tương ứng và theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng số 2 và số 3 chỉ một mình ông Nh ký tên vay tín dụng, quá trình giải quyết vụ án ngân hàng không cung cấp được đăng ký kết hôn của ông Nh bà S nên không khẳng định được

ông Nh bà S có phải là vợ chồng hay không vì vậy không có cơ sở để buộc bà S cùng liên đới trả nợ chung với ông Nh tại hợp đồng số 2 và số 3; Ngân hàng tự nguyện giảm cho ông Nh 22.015.076đ tại lãi quá hạn tại hợp đồng số 2. Xét thấy sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất: Các bên thỏa thuận tại thời điểm xác lập 03 Hợp đồng tín dụng về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 và Điều 418 của Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/6/2023) theo kê khai ở trên là phù hợp với các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, phù hợp bảng kê chi tiết tình hình nợ gốc và lãi; Đồng thời phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[2.6] Ngân hàng yêu cầu: Ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 09/6/2023, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết tương ứng với nghĩa vụ của mỗi người cho đến khi thanh toán xong nợ. Xét thấy yêu cầu này của ngân hàng phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng tương ứng đã ký kết; Phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[2.7] Về tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN 1711090309083/PTN/HĐTCSP, ngày 15/12/2017; Tài sản thế chấp là xe ô tô con, nhãn hiệu: MAZDA, số loại: 2 15G, biển số: 85A-029.05, số khung: 4AA6HC074217, số máy: P520402268 đã được Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 002249, ngày 14/12/2017 đứng tên ông Lê Đình Nh; Được ký kết giữa một bên là đại diện ngân hàng và một bên là ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S. Xét thấy: Hợp đồng thế chấp trên là để bảo đảm cho khoản vay tín dụng tại Hợp đồng số 1 và đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 317 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận và bảo vệ vì vậy ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp trên để bảo đảm thi hành án, trường hợp ông Nh bà S không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ tại hợp đồng số 1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải thi hành; Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị đơn ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S phải chịu liên đới chịu 15.401.000đ (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Đình Nh phải chịu thêm 4.598.000đ (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng

thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466 468, 418, 317 của Bộ luật dân sự;

- Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

1. Buộc ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S phải liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền là 308.026.113đ (*Ba trăm lẻ tám triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm mười ba đồng*); Trong đó nợ gốc là: 202.405.000đ; Lãi trong hạn là: 10.070.773đ; Nợ lãi quá hạn là: 95.550.340đ.

2. Kể từ ngày 09/6/2023 ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết tương ứng với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo thời gian chậm thanh toán cho đến khi ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN 1711090309083/PTN/HĐTCSP, ngày 15/12/2017 được ký kết giữa một bên là đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần V với một bên là ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S để bảo đảm thi hành án cho hợp Hợp đồng cho vay số: LN 1711090309083/PTN/HĐTD, ngày 15/12/2017; Trường hợp ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện Ninh Phước phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật cho khoản nợ tại Hợp đồng cho vay số: LN 1711090309083/PTN/HĐTD, ngày 15/12/2017.

4. Buộc ông Lê Đình Nh phải trả tổng số tiền còn nợ tại Hợp đồng cho vay kênh VPBank Online số: LN1925600210, ngày 13/9/2019 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/4/2019 với tổng số nợ là: 91.973.887đ (*Chín mươi một triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi bảy đồng*); Trong đó tổng nợ gốc là: 55.506.175đ; Tổng lãi trong hạn là: 31.721.982đ; Tổng lãi quá hạn là: 30.745.730đ.

5. Buộc ông Lê Đình Nh thanh toán khoản lãi phát sinh của nợ gốc tại Hợp đồng cho vay kênh VPBank Online số: LN1925600210, ngày 13/9/2019 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/4/2019 kể từ ngày 09/6/2023 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tương ứng đã ký kết.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: Ông Lê Đình Nh và bà Trần Thị S phải liên đới chịu 15.401.000đ (*Mười lăm triệu bốn trăm lẻ một nghìn đồng - đã làm tròn*) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Đình Nh phải chịu thêm 4.598.000đ (*Bốn triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng - đã làm tròn*) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.649.742 đồng (*Chín triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002959, ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục thi hành dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt đại diện nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/6/2023). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Phước;
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Cốc